

THÔNG TIN HỌC PHÍ VÀ ĐỊNH HƯỚNG SAU KHI TỐT NGHIỆP
KHOA NGOẠI NGỮ & VĂN HÓA NHẬT BẢN

1. HỌC PHÍ TRONG 1 NĂM

Học phí 1 năm khoa ngoại ngữ & văn hóa nhật bản trường đại học Đại Nam là 35.000.000 VNĐ/ 1năm không tăng trong suốt 4 năm học tại trường.

2. ĐỊNH HƯỚNG SAU KHI TỐT NGHIỆP

* Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể làm việc tại các công ty của Việt Nam và Nhật Bản với mức lương từ 500\$ đến 2000\$. Và có thể đảm nhận nhiều công việc khác nhau, với nhiều cơ hội đa dạng và phong phú như:

+ Biên dịch viên, phiên dịch viên trong các công ty, cơ quan ngoại giao, tổ chức của Nhật Bản

+ Chuyên viên Marketing, tổ chức sự kiện, giao dịch thương mại tại các tổng ty 100% vốn Nhật Bản hay liên doanh với Nhật Bản.

+ Chuyên viên hướng dẫn giao dịch với các đối tác, doanh nghiệp Nhật Bản

+ Giảng dạy và nghiên cứu tiếng Nhật, Nhật Bản học, Đông phương học.

Để đảm bảo nơi thực hành, thực tập và việc làm cho sinh viên tại Nhật Bản, Trường và Khoa đã ký kết với các doanh nghiệp:

Công ty cổ phần Sekai Jinzai

Công ty cổ phần KPG Hotel & Resort

TRƯỞNG KHOA

TS. LÊ DUY HÙNG

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2021

CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH HỌC BỔNG CHO SINH VIÊN KHOA NN&VHNB
I. HỌC BỔNG KHUYẾN TÀI (áp dụng từ Khóa K15)

Tiêu chí xét trao Học bổng:

- 1) Xét dựa vào điểm tổng kết học bạ theo khối A01, C00, D01, D15
- 2) Xét dựa vào điểm thi THPT Quốc gia theo khối A01, C00, D01, D15

(Sinh viên lựa chọn 1 trong 2 cách xét tuyển)

Mức miễn giảm học phí	Mốc điểm xét miễn giảm theo Học bạ	Mốc điểm xét miễn giảm theo điểm thi tốt nghiệp THPTQG	Số lượng học bổng
Miễn giảm 100% học phí HK I (Tương đương 17.500.000 VNĐ)	Từ 28 ~ 30 điểm	Từ 24 ~ 30 điểm	35 suất học bổng
Miễn giảm 50% học phí HK I (Tương đương 8.750.000 VNĐ)	Từ 25 ~ 27.9 điểm	Từ 22 ~ 23.9 điểm	70 suất học bổng
Miễn giảm 30% học phí HK I (Tương đương 5.250.000 VNĐ)	Từ 23 ~ 24.9 điểm	Từ 20 ~ 21.9 điểm	Không hạn chế
Miễn giảm 20% học phí HK I (Tương đương 3.500.000 VNĐ)	Từ 22 ~ 22.9 điểm	Từ 18 ~ 19.9 điểm	Không hạn chế
Miễn giảm 10% học phí kì HK I (Tương đương 1.750.000 VNĐ)	Từ 20 ~ 21.9 điểm	Từ 17 ~ 17.9 điểm	Không hạn chế

Lưu ý: Căn cứ vào thành tích học tập và quá trình phấn đấu của học sinh trong 3 năm học THPT, Khoa NN và VH Nhật Bản sẽ điều chỉnh các mức học bổng ở trên.

II. HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH CỦA KHOA (áp dụng từ Khóa K14)

1. Top 1 mỗi khóa (01 suất/khóa/năm học)

- Mức học bổng HB: (SV chọn một trong hai hình thức nhận HB)

+ **Hình thức 1:** 01 chuyến trải nghiệm 7-10 ngày tại Nhật Bản tại Fukuoka và Osaka – Nhật Bản

(Các khoản được miễn phí: Lệ phí visa, vé máy bay, lưu trú, học phí)

(Các khoản được hỗ trợ: Tiền ăn: 1500¥/ ngày)

+ **Hình thức 2:** Nhận tiền mặt: 10.000.000đ (mười triệu đồng)

- **Điều kiện:** Điểm tổng kết Năm học xếp hạng cao nhất mỗi khóa

1. Điểm Học tập: Điểm tổng kết học tập cuối năm đạt $\geq 8,0$ trong đó các học phần tiếng Nhật $\geq 8,5$

2. Điểm Rèn luyện: Đạt ≥ 80 điểm (theo tiêu chí xếp loại DNU – Khoa: thái độ, chuyên cần, đóng góp hoạt động Đoàn – XH, ...)

3. Tham gia NCKH (điểm xét thành tích): NCKH sinh viên, viết bài tham gia hoạt động NCKH các cấp.

4. Chỉ tính điểm thi lần 1

Hệ số ưu tiên xét học bổng (Trường hợp có 02 sinh viên bằng điểm nhau trở lên): Điểm tổng kết học tập => Điểm rèn luyện => Chứng chỉ năng lực tiếng Nhật => Điểm trung bình học phần tiếng Nhật

2. Học bổng khuyến khích học tập (xét từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu)

- **Số lượng:** Năm 2020 -2021: 10% tổng số sinh viên/khóa (~ 07 – 08 suất HB);

- **Điều kiện xét học bổng:**

1. Điểm Học tập: Điểm tổng kết học tập cuối năm đạt $\geq 7,5$
2. Điểm Rèn luyện: Đạt ≥ 80 điểm (theo tiêu chí xếp loại DNU – Khoa: thái độ, chuyên cần, đóng góp hoạt động Đoàn – XH, ...)
3. Tham gia NCKH (điểm xét thành tích): NCKH sinh viên, viết bài tham gia hoạt động NCKH các cấp.
4. Chỉ tính điểm thi lần 1

*Lưu ý: - Sinh viên được nhận Học bổng Top 1 sẽ không được nhận học bổng học tập của kì 2 năm học đó)

- Học bổng được xét từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu

- **Giá trị Học bổng:**

+ HB Loại A: 5.000.000 VNĐ (Điểm tổng kết $\geq 9,0$ / HK, đạt các điều kiện 2,3,4)

+ HB loại B: 3.000.000 VNĐ (Điểm tổng kết $\geq 8,0$ / HK, đạt các điều kiện 2,3,4)

2.1.3. Học bổng Chứng chỉ năng lực Nhật Ngữ

1) **Loại 1:** Thi đỗ trình độ N3 kì thi năng lực tiếng Nhật JLPT (Áp dụng cho Sinh viên năm 1)

Trị giá: 500,000 VNĐ/ Tháng x 6 tháng = 3.000.000 VNĐ

Điều kiện: Nộp bản photo Chứng chỉ (/kết quả)

2) **Loại 2:** Thi đỗ trình độ N2 kì thi năng lực tiếng Nhật JLPT (Áp dụng cho Sinh viên năm 2 và 3)

Trị giá: 1.000,000 VNĐ/ Tháng x 6 tháng = 6.000.000 VNĐ

Điều kiện: Nộp bản photo Chứng chỉ (/kết quả)

3) **Loại 3:** Thi đỗ trình độ N1 kì thi năng lực tiếng Nhật JLPT (Áp dụng cho Sinh viên năm 4)

Trị giá: 10,000,000 VNĐ/ 1 Lần + Giấy khen/ chứng nhận

Điều kiện: Nộp bản photo Chứng chỉ (/kết quả)

2.1.4. Thuởng chuyên cần (Tối đa 1 sv được nhận 8 lần/4 năm học)

Tỉ lệ chuyên cần 100%

Trị giá: 300.000đ/ HK

Điều kiện: Tỉ lệ đi học các môn đạt 100% (không nghỉ học buổi nào) trong 1 học kỳ (theo sổ điểm danh của khoa, Giảng viên)

III. HỌC BỔNG TỪ CHÍNH PHỦ, CÁC TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP NHẬT BẢN

1. Học bổng trao đổi du học sinh 1 năm với các Trường đại học tại Nhật Bản	Tối đa 10.000 USD (Tương đương 1 năm học phí)
2. Học bổng Trao đổi du học sinh ngắn hạn 1 tuần – 3 tháng với các Trường đại học, các tổ chức, công ty của Nhật Bản,	Tối đa 5000 USD
3. Học bổng Chính phủ Nhật Bản (文部科学省 – MEXT)	Theo quy định của chính phủ Nhật Bản
4. CÁC HỌC BỔNG TOÀN PHẦN TỪ TỔ CHỨC JASSO	Theo quy định của chính phủ Nhật Bản
5. Học bổng của các doanh nghiệp cấp cho sinh viên Khoa Đông Phương.	Tối đa 35,000,000 VNĐ (Tương đương 1 năm học phí)

TRƯỞNG KHOA

(Đã ký)

LÊ DUY HƯNG